DANH SÁCH HỌC SINH THI GIẢI TOÁN QUA INTERNET - VIOLYMPIC

MÔN THI:TOÁN TIẾNG VIỆT

Vòng thi cấp huyện

STT	Số ID	Họ và tên	Ngày sinh			Khối	Địa Phương	Kết quả thi		
			Ngày	Tháng	Năm	Khối	Trường	Điểm	Thời gian	Số lần thi
1	46769928	Nguyen Thi To Phuong	14	5	2005	6	Trường THCS Tân Thuận 2	250	1716	1
2	48516817	Bùi Nguyễn Song Ái	21	12	2005	6	Trường THCS Thị Trấn	250	2352	1
3	43587534	Nguyễn Thị Như Mộng	27	1	2005	6	Trường THCS Vĩnh Phong 1	220	2629	1
4	49146313	Nguyên Thi Thanh Truc	6	6	2005	6	Trường THCS Thị Trấn	210	1685	1
5	44906812	Nguyen Ngoc Xuan Mai	21	7	2005	6	Trường THCS Tân Thuận 2	210	2333	1
6	44067338	Duong Thanh Nhan	11	12	2005	6	Trường THCS Vĩnh Thuận	210	2399	1
7	21139424	Trần Đăng Khôi	8	9	2005	6	Trường THCS Thị Trấn	210	2594	1
8	46219062	Nguyễn Nhật Huy	10	3	2005	6	Trường THCS Tân Thuận 2	200	3053	1
9	45082777	Le Nguyen Bao Nghi	20	8	2005	6	Trường THCS Bình Minh	190	2628	1
10	47674181	Nguyễn Thị Yến Linh	27	3	2005	6	Trường THCS Vĩnh Bình Nam1	180	2836	1
11	43875671	Phạm Quốc Khánh	29	6	2005	6	Trường THCS Bình Minh	170	2771	1
12	44904473	Nguyenthibe Thao	11	7	2004	6	Trường Tiểu Học Và THCS Tân Thuận 1	170	2779	1
13	47298215	Nguyễn Thanh Lễ	6	11	2005	6	Trường Tiểu Học Và THCS Vĩnh Bình Bắc 2	170	3173	1
14	21656157	Huỳnh Như Huỳnh	22	6	2005	6	Trườngtiểu Học Và THCS Phong Đông	160	2504	1
15	43786522	Phạm Thị Kim Nhi	25	5	2005	6	Trường THCS Vĩnh Bình Nam1	150	2943	1
16	36174940	Lê Thị Cẩm Loan	5	6	2005	6	Trường THCS Vĩnh Bình Nam1	140	2866	1
17	45683655	Lam Thi Thanh Thanh Tam	11	11	2005	6	Trường THCS Bình Minh	130	2121	1
18	44061091	Phantrung Thực	5	11	2005	6	Trường THCS Vĩnh Thuận	130	2744	1
19	44908648	Tranminh Anh	19	8	2005	6	Trường Tiểu Học Và THCS Tân Thuận 1	130	3098	1
20	46590221	Nguyen Thanh Huy	23	11	2005	6	Trường THCS Vĩnh Thuận	110	2348	1
21	43875507	Đặng Tấn Đủ	18	7	2004	6	Trường THCS Bình Minh	100	1983	1
22	3016749	Vũ Thị Diễm Thi	8	11	2005	6	Trường THCS Vĩnh Bình Nam1	100	2910	1
23	45576864	Huỳnh Nguyễn Khả Ái	12	6	2005	6	Trường THCS Vĩnh Phong 1	90	2623	1
24	45012274	Lehuynh My	23	3	2005	6	Trường THCS Bình Minh	80	2457	1
25	9623518	Trần Hồng Huyễn	5	5	2005	6	Trườngtiểu Học Và THCS Phong Đông	70	1386	1

STT	Số ID	Họ và tên	Ngày sinh			Khối	Địa Phương	Kết quả thi		
			Ngày	Tháng	Năm	Khối	Trường	Điểm	Thời gian	Số lần thi
26	45349266	Truong Minh Trieu	15	11	2005	6	Trườngtiểu Học Và THCS Phong Đông	60	1897	1
27	44062438	Hồ Hữu An	29	10	2005	6	Trường THCS Vĩnh Thuận	30	1968	1